
A METHODOLOGY FOR DESIGNING A SURVEY QUESTIONNAIRE ON SUSTAINABILITY AWARENESS IN TEXTILE AND FASHION – AN INITIAL APPROACH TO BUILDING A COURSE SYLLABUS ON SUSTAINABLE FASHION

Tran Nguyen Tu Uyen^a

Pham Thi Thao^a

Tran Pham Quynh Phuong^b

Dao Ly Minh Thu^b

Nguyen Hong Khiem^c

^a Industrial University of Ho Chi Minh City

^b Van Lang University

^c Ton Duc Thang University

Email: Tuuyentk@gmail.com

Received: 10/9/2024

Reviewed: 12/9/2024

Revised: 20/9/2024

Accepted: 24/7/2025

Released: 31/7/2025

The paper evaluated a measurement scale for students' awareness of sustainability concepts in the textile and fashion industry-commonly referred to as "Sustainable Textiles and Fashion". A combination of qualitative and quantitative methods is employed. The preliminary scale is constructed through in-depth interviews with students and experts, along with the authors' domain knowledge. Quantitative methods using SPSS help analyze reliability, while Exploratory Factor Analysis (EFA) aids in refining observable variables and restructuring factors. The finalized questionnaire supported the assessment and syllabus design for an undergraduate Sustainable Fashion course.

Keywords: Questionnaire; Survey; Sustainability; Textile; Fashion.

1. Giới thiệu

Nhận thức về sự bền vững trong thời trang và dệt may đang trở thành một trong những yếu tố quan trọng, không chỉ đối với các nhà sản xuất mà còn với người tiêu dùng. Sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp thời trang, đặc biệt là thời trang nhanh (fast fashion), đã gây ra những tác động tiêu cực đáng kể lên môi trường và xã hội, như lãng phí tài nguyên và phát thải khí nhà kính [1]. Việc nâng cao nhận thức về các vấn đề này là chìa khóa giúp các cá nhân, đặc biệt là sinh viên trong ngành dệt may và thời trang, hiểu rõ tầm quan trọng của việc lựa chọn nguyên liệu bền vững, giảm thiểu chất thải và tiêu thụ sản phẩm có

trách nhiệm hơn. Hơn nữa, sự nhận thức không chỉ dừng lại ở việc hiểu về tác động môi trường, mà còn bao gồm các yếu tố như công bằng lao động, sức khỏe con người và sự minh bạch trong chuỗi cung ứng [2].

Sinh viên cần được trang bị không chỉ kiến thức về kỹ thuật may mặc và thiết kế, mà còn về các khái niệm và thuật ngữ về tính bền vững trong lĩnh vực dệt may và thời trang. Sự hiểu biết về các khái niệm như "vòng đời sản phẩm", "chuỗi cung ứng bền vững" [3], v.v... giúp SV nắm bắt được các xu hướng hiện đại và tích cực góp phần vào việc xây dựng một ngành thời trang bền vững tại Việt Nam. Tìm hiểu và thực hành tốt những khái niệm này giúp sinh viên tiếp cận với các tiêu chuẩn, yêu cầu mới từ phía nhà tuyển dụng từ đó phát triển các giải pháp sáng tạo để phù hợp với thị trường ngày nay [4]. Vì vậy, việc nghiên cứu đánh giá mức độ hiểu biết của SV về lĩnh vực DMBV là cần thiết, góp phần nâng cao nhận thức của SV, từ đó có những tác động tích cực giảm thiểu những tác hại do ngành dệt may gây ra cho môi trường. Để có thể thu được dữ liệu hữu ích cho công tác đánh giá, một bảng hỏi khảo sát có độ tin cậy cao là rất quan trọng, cần thực hiện trước bảng hỏi sơ bộ và đánh giá trước khi đưa vào khảo sát thực tế. Bài báo này trình bày quy trình xây dựng bảng câu hỏi sơ bộ và kiểm định độ tin cậy của nó bằng phương pháp định tính. Kết quả nghiên cứu được sử dụng để phát triển bảng hỏi chính thức, phục vụ khảo sát thực tế nhằm đánh giá mức độ hiểu biết về DMBV và đề xuất định hướng xây dựng đề cương và nội dung môn học Thời trang bền vững trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành Thiết kế thời trang

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Nhận thức và kiến thức là hai khái niệm cốt lõi trong lĩnh vực giáo dục, được nghiên cứu sâu rộng để hiểu về quá trình học tập và phát triển của con người. Nhận thức (cognition) là quá trình con người tiếp nhận, xử lý và lưu giữ thông tin, bao gồm các quá trình như chú ý, ghi nhớ và giải quyết vấn đề [5]. Kiến thức (knowledge) là kết quả của quá trình nhận thức, biểu hiện dưới hình thức các thông tin, hiểu biết mà cá nhân tích lũy và có thể vận dụng vào thực tế [6]. Kiến thức không chỉ bao gồm thông tin mà còn là sự hiểu biết về mối quan hệ giữa các thông tin, cũng như khả năng áp dụng thông tin vào các tình huống khác nhau.

Đánh giá mức độ hiểu biết có thể hiểu là quá trình đo lường sự hiểu biết của cá nhân về một lĩnh vực cụ thể. Để đánh giá chính xác mức độ hiểu biết về các về lĩnh vực DMBV cần có sự nhận biết các thuật ngữ hoặc khái niệm thuộc lĩnh vực đó như là chuỗi cung ứng bền vững, vòng đời sản phẩm, vật liệu tái chế, vật liệu sinh thái, năng lượng xanh, thời trang chậm, thiết kế xanh và quy trình sản xuất bền vững, v.v... Trong các phương pháp đo lường phù hợp với mức độ hiểu biết có thể kể đến thang đánh giá nhận thức Bloom – là một trong những công cụ phổ biến nhất. Thang này được phát triển bởi Benjamin Bloom vào năm 1956 và được sử dụng rộng rãi để phân loại các mục tiêu học tập theo cấp độ nhận thức, từ thấp đến cao, gồm sáu cấp độ: ghi nhớ (remembering), hiểu (understanding), vận dụng (applying), phân tích (analyzing), đánh giá (evaluating) và sáng tạo (creating) [7]; Theo đó, mỗi cấp độ đại diện cho một mức độ phức tạp và sâu sắc hơn của quá trình nhận thức. Các thang đo được xây dựng tùy thuộc vào đối tượng và mục tiêu của nghiên cứu. Một trong những phương pháp phổ biến nữa là sử dụng bảng hỏi để khảo sát, trong đó các câu hỏi được xây dựng dựa trên các khái niệm lý

thuyết liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Thang đo Likert thường được sử dụng để đánh giá các mức độ đồng ý hoặc hiểu biết của người tham gia đối với một khái niệm cụ thể [8]. Một số nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu (in-depth interviews) cũng được sử dụng để khám phá kiến thức của cá nhân về các vấn đề phức tạp hoặc trừu tượng, cho phép đánh giá không chỉ mức độ kiến thức mà còn cả quá trình suy nghĩ và nhận thức của người tham gia [9].

Phương pháp nghiên cứu định lượng, đặc biệt là sử dụng bảng hỏi khảo sát kết hợp với phân tích hồi quy, ngày càng được ưa chuộng trong các nghiên cứu xã hội, kinh tế và cả giáo dục. Phương pháp này cho phép thu thập dữ liệu từ một số lượng lớn đối tượng, sau đó áp dụng các mô hình phân tích thống kê để tìm ra mối quan hệ giữa các biến số. Điều này không chỉ giúp nhà nghiên cứu hiểu rõ hơn về các yếu tố tác động mà còn cho phép dự đoán các xu hướng tương lai [8; 9]. Trong lĩnh vực dệt may thời trang, phương pháp này có thể giúp đánh giá mức độ nhận thức và hiểu biết của sinh viên về các khái niệm bền vững, từ đó cung cấp các khuyến nghị thực tiễn cho việc cải thiện chương trình giảng dạy.

Một số nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp định lượng để đánh giá nhận thức của người tiêu dùng về thời trang bền vững. Nghiên cứu của tác giả Lin và cộng sự [10] đã thực hiện khảo sát để đánh giá mức tiêu thụ thời trang bền vững trên các nhóm thế hệ ở Đài Loan, áp dụng mô hình phương trình cấu trúc để phân tích các yếu tố như ý thức về môi trường và giá trị nhận thức. Phát hiện của họ cho thấy, những yếu tố này là những yếu tố dự báo quan trọng về ý định mua hàng, đặc biệt là làm nổi bật vai trò của sự khác biệt giữa các thế hệ trong hành vi thời trang bền vững. Nghiên cứu trên chứng minh tính hữu ích của các mô hình hồi quy và phân tích dữ liệu định lượng để hiểu xu hướng của người tiêu dùng trong thời trang bền vững. Một nghiên cứu khác, tập trung vào người tiêu dùng Thế hệ Z, đã sử dụng thang đo kiểu Likert để đo lường nhận thức và nhận thức của họ về thời trang bền vững. Nghiên cứu đã chỉ ra mối tương quan đáng kể giữa nhận thức và việc áp dụng thời trang bền vững, cho thấy mức độ nhận thức và nhận thức tích cực cao hơn dẫn đến việc áp dụng nhiều hơn các hoạt động bền vững. Phân tích dữ liệu của nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tích cực từ trung bình đến mạnh giữa các biến này và cung cấp những hiểu biết có giá trị cho các nhà tiếp thị thời trang [11].

Tại Việt Nam, các nghiên cứu đánh giá nhận thức của con người về yếu tố bền vững, đặc biệt trong lĩnh vực dệt may còn ít và hạn chế. Bài viết của tác giả Lê Thị Thanh Loan [12] với nghiên cứu "Thời trang bền vững: Xu hướng tất yếu trong ngành dệt may Việt Nam" đã tập trung vào việc phân tích và đánh giá xu hướng tất yếu của thời trang bền vững trong ngành dệt may tại Việt Nam. Tác giả bắt đầu bằng cách thảo luận về khái niệm thời trang bền vững và tầm quan trọng của nó trong bối cảnh toàn cầu, đặc biệt là trong các nước đang phát triển như Việt Nam. Bài viết chỉ ra rằng ngành dệt may tại Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến ô nhiễm môi trường, sử dụng tài nguyên không bền vững và các vấn đề về lao động. Bên cạnh đó, tác giả cũng nhấn mạnh vai trò của chính phủ và các tổ chức phi chính phủ trong việc thúc đẩy thời trang bền vững, thông qua các chính sách hỗ trợ và giáo dục nhận thức cộng đồng. Bài viết cũng khẳng định thời trang bền vững không chỉ là xu hướng mà còn là một yêu cầu thiết yếu đối với sự phát triển lâu dài của ngành dệt may Việt Nam. Cùng chủ đề trên, tác giả Nguyễn Thị Bích Hạnh [13] với nghiên cứu "Nhận thức và xu

hướng tiêu dùng thời trang bền vững tại Việt Nam" đã trình bày việc đánh giá nhận thức và xu hướng tiêu dùng thời trang bền vững tại Việt Nam bằng phương pháp khảo sát người tiêu dùng tại các thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM để thu thập dữ liệu về mức độ nhận thức của họ đối với thời trang bền vững, đồng thời phân tích hành vi mua sắm của họ. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng mặc dù khái niệm thời trang bền vững vẫn còn khá mới mẻ tại Việt Nam, một bộ phận người tiêu dùng trẻ đã bắt đầu quan tâm đến việc lựa chọn sản phẩm thời trang thân thiện với môi trường và có trách nhiệm xã hội. Bài viết cũng đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường nhận thức của người tiêu dùng, bao gồm việc đẩy mạnh chiến dịch truyền thông và giáo dục cộng đồng về lợi ích của thời trang bền vững. Như vậy, việc người mua có và hiểu được các kiến thức về bền vững trong dệt may-thời trang là quan trọng nhằm đóng góp vào nhận thức về những tác động tiêu cực của ngành này đến môi trường. Các phương pháp phân tích thống kê dựa vào số liệu khảo sát cho thấy hiệu quả giải thích cho các câu hỏi nghiên cứu về nhận thức, ý định, hành vi của con người, điều này là quan trọng không chỉ trong bối cảnh nghiên cứu xã hội mà còn trong lĩnh vực Dệt may và Thời trang.

Tuy nhiên, đối với phân tích dựa vào các số liệu thu thập được từ khảo sát, việc xây dựng bảng hỏi chất lượng, được thiết kế chính xác và có độ tin cậy cao, là yếu tố quan trọng để đảm bảo việc thu thập dữ liệu chính xác và sát với thực tế. Các câu hỏi phải được xây dựng rõ ràng, không gây nhầm lẫn, và phù hợp với đối tượng khảo sát nhằm thu được nguồn dữ liệu chính xác theo nhu cầu nghiên cứu [9]. Độ tin cậy của bảng hỏi không chỉ đảm bảo tính nhất quán trong kết quả thu được mà còn giúp tăng độ chính xác khi phân tích và diễn giải số liệu. Vì vậy, để thực hiện các mục đích lớn hơn như đánh giá mức độ nhận thức của sinh viên đối với vấn đề DMBV, bài báo này đặt ra mục tiêu là xây dựng một bảng hỏi chất lượng để thu thập dữ liệu về nhận thức của sinh viên đối với các thuật ngữ và khái niệm bền vững trong dệt may và thời trang, từ đó cung cấp cơ sở cho việc thu thập số liệu khảo sát phục vụ cho các nghiên cứu tiếp theo về xây dựng chương trình đào tạo ngành học Thiết kế thời trang ở bậc Đại học.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Một số yếu tố nổi bật trong lĩnh vực DMBV phải kể đến là Thời trang bền vững, Công nghệ dệt may bền vững, và các tiêu chí phổ biến được xây dựng riêng cho DMBV. Thời trang bền vững bao gồm các khái niệm như "thời trang chậm" (slow fashion) và "vòng đời sản phẩm" (product lifecycle) [14-16] nhấn mạnh sự cần thiết của việc giảm thiểu lãng phí và tối ưu hóa sử dụng tài nguyên. Trong lĩnh vực công nghệ may mặc, sự hiểu biết về các kỹ thuật sản xuất như quy trình sản xuất không chất thải với nhiều thuật ngữ/khái niệm con, và công nghệ may thân thiện môi trường cũng đã được nhắc đến [15]. Ngoài ra, công nghệ dệt bền vững cũng nhắc đến các thuật ngữ "vật liệu tái sinh", "vật liệu sinh thái" [14], v.v....

Thêm vào đó, thông qua kết quả phỏng vấn sâu đối với 10 SV và 09 Giảng viên ngành Dệt may - Thời trang tại 03 trường đại học có đào tạo ngành Dệt may-Thời trang trong thành phố Hồ Chí Minh các thuật ngữ/khái niệm về DMBV được ghi nhận và sử dụng vào thang đo. Nhận thức về tính bền vững trong dệt may và thời trang có thể được đánh giá dựa vào sự hiểu biết của cá nhân về các khái niệm và thuật ngữ liên quan trong ba lĩnh vực chính: thiết kế thời trang, công

nghe dệt may, và các tiêu chí bền vững. Sự phân loại này dựa trên sự xuất hiện và ứng dụng của chúng trong từng khía cạnh cụ thể của ngành công nghiệp. Vì vậy, các nhân tố chính ban đầu được xây dựng để đánh giá mức độ hiểu biết trong lĩnh vực DMBV bao gồm 3 nhân tố là:

- Thuật ngữ/khái niệm về bền vững trong ngành Thiết kế thời (mã hoá: **TT**).
- Thuật ngữ/khái niệm về bền vững trong Công nghệ Dệt may (mã hoá: **DM**).
- Thuật ngữ/khái niệm về các tiêu chí trong Dệt may và Thời trang bền vững (mã hoá: **BV**).

Trong đó, mỗi nhân tố sẽ bao gồm các biến quan sát là các thuật ngữ/khái niệm về DMBV được phân loại dựa vào các dữ liệu định tính. Các nhân tố này đều được xác định có ảnh hưởng đến sự hiểu biết về DMBV nói chung, vì vậy dựa vào mức độ hiểu biết các thuật ngữ/khái niệm của 3 nhân tố này có thể giải thích được cho sự hiểu biết chung về DMBV.

Việc đánh giá sự hiểu biết hoặc kiến thức của con người về một chủ đề cụ thể có thể dựa vào việc đánh giá mức độ nhận biết và hiểu biết của họ đối với các thuật ngữ và khái niệm liên quan [5; 6]. Đối với chủ đề DMBV, sử dụng thang đo dựa trên mức độ nhận biết và hiểu biết về các thuật ngữ là phương pháp hợp lý và hiệu quả. Thang đo này có thể bao gồm các mức từ "Chưa từng biết đến" cho đến "Có kiến thức chuyên sâu hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực này". Các mức độ này được xây dựng dựa vào nguồn dữ liệu định tính thu được qua các cuộc phỏng vấn sâu với SV và chuyên gia trong ngành. Theo đó, các mức độ được giải thích như sau:

Mức 1: Chưa từng biết đến - Đây là mức thấp nhất trong thang đo, thể hiện rằng người trả lời chưa từng tiếp xúc với các thuật ngữ hoặc khái niệm [6] liên quan đến DMBV. Mức độ này có thể biểu hiện ở việc họ không biết bất kỳ thông tin gì về các khái niệm như "chuỗi cung ứng bền vững", "vòng đời sản phẩm", hay "vật liệu tái chế", v.v.... Việc đánh giá ở mức này giúp xác định những người hoàn toàn thiếu kiến thức nền tảng về lĩnh vực này và là điểm khởi đầu để xây dựng nhận thức.

Mức 2: Có nghe nói đến nhưng không hiểu rõ lắm - Ở mức độ này, người trả lời đã từng nghe qua về các thuật ngữ và khái niệm nhưng không hiểu rõ ý nghĩa hoặc cách áp dụng của chúng. Điều này thể hiện một sự tiếp xúc ban đầu với khái niệm, nhưng thiếu sự đào sâu hoặc phân tích [6]. Ví dụ, họ có thể biết đến khái niệm "vật liệu thân thiện với môi trường" nhưng không hiểu rõ nó khác biệt thế nào so với các loại vật liệu khác trong quy trình sản xuất dệt may. Việc đánh giá mức này cho thấy có một nhận thức cơ bản nhưng chưa đủ để áp dụng vào thực tế.

Mức 3: Hiểu và có thể diễn đạt về khái niệm này - Ở mức này, người trả lời không chỉ đã nghe về các thuật ngữ mà còn hiểu và có thể giải thích các khái niệm bền vững trong dệt may và thời trang một cách chính xác. Ví dụ, họ có thể giải thích cách "chuỗi cung ứng bền vững" hoạt động, bao gồm việc giảm thiểu tác động môi trường qua các giai đoạn sản xuất, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm. Mức độ này thể hiện rằng cá nhân đã có kiến thức khá vững vàng và có thể diễn đạt lại cho người khác sự hiểu của mình về các thuật ngữ hoặc khái niệm [14].

Mức 4: Hiểu rõ về khái niệm này và có thể giải thích, phân tích và giải quyết vấn đề trong thực tế - Đây là cấp độ cao hơn, nơi người trả lời không chỉ hiểu rõ các khái niệm mà còn có thể áp dụng chúng vào thực tiễn. Ví dụ, một người ở mức này có thể thực hiện các quyết định về việc sử dụng vật liệu bền vững, tham gia vào quá trình thiết kế hoặc quản lý chuỗi cung ứng một cách hiệu quả, nhằm đảm bảo các yếu tố bền vững được tích hợp vào từng giai đoạn của

quy trình sản xuất thời trang. Mức này phản ánh khả năng ứng dụng kiến thức vào các hoạt động thực tế, đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp dệt may.

Mức 5: Có kiến thức chuyên sâu hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực này - Ở cấp độ cao nhất, người trả lời không chỉ có kiến thức sâu rộng mà còn là chuyên gia trong lĩnh vực bền vững của dệt may và thời trang. Họ có khả năng không chỉ thực hành mà còn có thể tham gia vào việc ra quyết định chiến lược, nghiên cứu, phát triển công nghệ mới hoặc đề xuất các cải tiến cho ngành công nghiệp. Các chuyên gia ở mức này có thể dẫn dắt các dự án quy mô lớn hoặc tư vấn cho doanh nghiệp về việc tích hợp yếu tố bền vững vào sản xuất và kinh doanh thời trang.

Như vậy, sử dụng thang đo mức độ nhận biết hoặc hiểu biết đối với các thuật ngữ và khái niệm trong lĩnh vực bền vững dệt may và thời trang là một cách tiếp cận hợp lý để đánh giá kiến thức của các cá nhân. Thang đo này cho phép phân biệt rõ ràng giữa các cấp độ nhận thức khác nhau, từ những người chưa có kiến thức nền tảng đến những chuyên gia trong lĩnh vực. Mỗi mức độ trong thang đo phản ánh một mức độ sâu sắc khác nhau về sự hiểu biết và khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn, từ đó hỗ trợ cho việc xây dựng các chiến lược giáo dục, đào tạo và phát triển nhân lực phù hợp. Theo đó, bảng hỏi sơ bộ bao gồm 3 nhân tố chính với 30 biến quan sát được thiết kế dựa vào dữ liệu nghiên cứu định tính và cơ sở lý thuyết thông qua quá trình tổng quan tài liệu. Bảng hỏi sơ bộ cho thang đo mức độ hiểu biết của SV đối với một số thuật ngữ/khái niệm trong DMBV, chi tiết bảng hỏi được trình bày trong phụ lục 1.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng kết hợp phương pháp định tính và định lượng nhằm bước đầu xây dựng bảng câu hỏi để khảo sát sơ bộ, từ đó đánh giá độ tin cậy và xây dựng bảng câu hỏi đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

Đối với phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn sâu với hai nhóm đối tượng chính: sinh viên chuyên ngành Dệt may - Thời trang và các chuyên gia trong lĩnh vực này. Mục tiêu của phỏng vấn là xác định và thu thập các thuật ngữ và khái niệm chuyên ngành liên quan đến bền vững trong dệt may, cũng như đánh giá mức độ hiểu biết của đối tượng về các khái niệm này. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện theo cấu trúc mở, cho phép người tham gia tự do diễn đạt ý kiến, qua đó khám phá thêm những khái niệm và thuật ngữ có thể chưa được liệt kê trong tài liệu lý thuyết.

Về định lượng, bài báo tập trung vào đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha nhằm xác định mức độ nhất quán nội tại giữa các câu hỏi khảo sát. Sau khi dữ liệu được thu thập, phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA) được áp dụng để tái thiết lập các biến quan sát thành các nhân tố mới, đảm bảo các yếu tố đo lường phù hợp với mục tiêu khảo sát. Phân tích EFA giúp xác định cấu trúc tiềm ẩn của các khái niệm, tìm ra các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến mục tiêu nghiên cứu, từ đó đưa ra các nhóm nhân tố có ý nghĩa và điều chỉnh, xây dựng hoàn thiện bảng hỏi đánh giá nhận thức của sinh viên về bền vững trong dệt may và thời trang, sử dụng cho các nghiên cứu về sau và có thể mang giá trị tham khảo cho các nghiên cứu liên quan.

Triển khai khảo sát thu thập dữ liệu để đánh giá thang đo sơ bộ: Từ nghiên cứu định tính, bảng câu hỏi sơ bộ ban đầu được xây dựng (phụ lục 1), sau đó gửi cho đối tượng cần

khảo sát bằng cách lấy mẫu thuận tiện, là sinh viên thuộc một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh; hình thức khảo sát là bảng câu hỏi trực tuyến. Mặc dù theo khuyến nghị của tác giả Kaiser [17], mỗi biến quan sát trong khảo sát nên có ít nhất 5 đến 10 mẫu, và tổng số mẫu tối thiểu không nên dưới 100; tuy nhiên việc khảo sát với mục đích đánh giá và điều chỉnh Bảng hỏi sơ bộ thường được thực hiện với khoảng 30-50 mẫu [9; 17], vì vậy nghiên cứu này thực hiện khảo sát sơ bộ với khoảng 30-50 mẫu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo sơ bộ

Độ tin cậy của thang đo cũng như sự tương quan giữa những biến quan sát với nhân tố chính được đánh giá qua hệ số Cronbach's Alpha. Bài báo tiến hành phân tích độ tin cậy của từng nhân tố. Qua thống kê sơ bộ có 43 kết quả khảo sát thu về trong tổng số 50 mẫu gửi đi, sau khi loại bỏ 3 phiếu không hợp lệ, số mẫu đạt yêu cầu để sử dụng phân tích đánh giá bảng hỏi sơ bộ là 40 mẫu.

4.1.1. Phân tích nhân tố Thuật ngữ/khái niệm về bền vững trong ngành Thiết kế thời trang

Bảng 1 trình bày kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha của nhân tố TT và Hệ số CA của nhân tố nếu loại bỏ biến. Kết quả phân tích cho thấy hệ số Cronbach's Alpha nhân tố là 0.889 xếp loại tốt, tất cả các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng > Ba 0,3, và nếu loại thêm biến bất kỳ biến nào thì hệ số cũng không cải thiện. Như vậy các biến của nhân tố này sẽ được đưa vào phân tích EFA.

Bảng 1: Kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha của nhân tố TT và Hệ số CA của nhân tố nếu loại bỏ biến

Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số Cronbach's Alpha chuẩn hoá	Số biến			
0.889	0.889	10			
	Trung bình thang đo nếu loại bỏ biến	Phương sai nếu loại bỏ biến	Hệ số tương quan biến tổng sau hiệu chỉnh	Hệ số bình phương tương quan đa biến	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến
TT1	24.78	31.051	0.601	0.626	0.880
TT2	25.33	31.097	0.612	0.522	0.879
TT3	24.70	30.523	0.742	0.675	0.869
TT4	24.08	34.481	0.494	0.373	0.886
TT5	25.03	32.538	0.550	0.670	0.883
TT6	24.83	32.969	0.527	0.724	0.884
TT7	24.50	30.513	0.732	0.744	0.870
TT8	24.30	33.600	0.590	0.487	0.881
TT9	24.53	30.922	0.630	0.730	0.878
TT10	24.78	30.179	0.794	0.764	0.865

4.1.2. Phân tích nhân tố Thuật ngữ/khái niệm về bền vững trong Công nghệ Dệt may

Bảng 2 trình bày kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha của nhân tố DM và Hệ số CA của nhân tố nếu loại bỏ biến. Hệ số Cronbach's Alpha nhân tố là 0.951 nên có độ tin cậy tốt, tất cả các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng lớn, và nếu loại thêm biến bất kỳ biến nào thì hệ số cũng không cải thiện. Như vậy các biến của nhân tố này sẽ được đưa vào phân tích EFA.

Bảng 2: Kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha của nhân tố DM và Hệ số CA của nhân tố nếu loại bỏ biến

Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số Cronbach's Alpha chuẩn hoá	Số biến			
0.951	0.952	12			
	Trung bình thang đo nếu loại bỏ biến	Phương sai thang đo nếu loại bỏ biến	Hệ số tương quan biến tổng sau hiệu chỉnh	Hệ số bình phương tương quan đa biến	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến
DM1	24.86	64.009	0.667	0.816	0.950
DM2	24.92	65.021	0.637	0.818	0.951
DM3	25.14	62.009	0.870	0.817	0.944
DM4	25.11	66.599	0.669	0.654	0.950
DM5	24.89	64.655	0.667	0.609	0.950
DM6	25.43	61.863	0.847	0.874	0.944
DM7	25.57	62.030	0.817	0.812	0.945
DM8	25.35	62.901	0.865	0.847	0.944
DM9	25.49	64.090	0.806	0.748	0.946
DM10	25.32	61.559	0.826	0.850	0.945
DM11	25.41	60.859	0.850	0.881	0.944
DM12	25.16	64.362	0.693	0.714	0.949

4.1.3. Phân tích nhân tố Thuật ngữ/khái niệm về các tiêu chí trong Dệt may và Thời trang bền vững

Bảng 3 trình bày kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha của nhân tố BV và Hệ số CA của nhân tố nếu loại bỏ biến. Kết quả cho thấy tương quan biến tổng của các biến quan sát đều > 0,3 và nếu loại thêm biến bất kỳ biến nào thì hệ số cũng không cải thiện/có cải thiện thêm; các biến của nhân tố này sẽ được đưa vào phân tích EFA.

Bảng 3: Kết quả phân tích hệ số Cronbach's Alpha của nhân tố BV và Hệ số CA của nhân tố nếu loại bỏ biến

Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số Cronbach's Alpha chuẩn hoá	Số biến			

0.944	0.945	8			
	Trung bình thang đo nếu loại bỏ biến	Phương sai thang đo nếu loại bỏ biến	Hệ số tương quan biến tổng sau hiệu chỉnh	Hệ số bình phương tương quan đa biến	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến
BV1	18.16	29.650	0.784	0.710	0.938
BV2	18.13	29.036	0.823	0.806	0.935
BV3	18.05	30.592	0.682	0.585	0.944
BV4	18.21	29.792	0.802	0.667	0.937
BV5	17.84	30.353	0.802	0.728	0.937
BV6	18.08	28.994	0.801	0.776	0.937
BV7	18.05	27.835	0.904	0.857	0.929
BV8	18.08	28.777	0.796	0.740	0.937

Như vậy, cả 3 nhân tố của thang đo đều cho thấy độ tin cậy cao, các biến quan sát có tương quan với biến tổng lớn và không biến nào bị loại bỏ. Tổng 3 nhân tố với 30 biến quan sát sẽ được đưa vào phân tích nhân tố khám phá.

4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA cho bảng câu hỏi sơ bộ

Với số lượng biến quan sát xây dựng ban đầu là 30, cần phân tích EFA để xác định mối tương quan giữa các biến, từ đó cô đọng thông tin và tái phân nhóm các câu hỏi dựa trên cùng một mục tiêu nghiên cứu. Qua đó, bảng hỏi được xây dựng lại một cách hợp lý, hiệu quả, chính xác và tin cậy hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập dữ liệu quy mô lớn nhằm đo lường mức độ kiến thức về DMBV. Hệ số Kaiser-Meyer-Olkin (KMO) được sử dụng để kiểm tra độ lớn của tương quan riêng phân thang đo sơ bộ có hệ số KMO là 0,513 $\in$ [0,5-1,0], giá trị Sig. Ở kiểm định Bartlett đạt 0.00, vì vậy đạt yêu cầu để phân tích EFA.

Phân tích yếu tố chính với phương pháp xoay vuông góc, phép xoay Varimax giữ lại góc vuông giữa hai trục. Sau khi thực hiện, hệ số nhân tố được tối giản, chỉ còn các giá trị trên từng nhân tố. Bảng 4 trình bày kết quả phân tích EFA sơ bộ lần 1.

Bảng 4: Kết quả phân tích EFA sơ bộ lần 1

Ma trận xoay nhân tố						
	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
BV5	0.876					
BV4	0.793					
BV2	0.788					
BV7	0.768					
BV1	0.688					
BV6	0.671				0.485	
DM12	0.671			0.445		

BV8	0.608				0.464	
BV3	0.605					
DM5	0.554	0.424	0.462			
DM4		0.797				
DM3		0.763				
DM6		0.743				
DM7		0.716				
DM9		0.701				
DM8	0.442	0.695				
DM10	0.557	0.648				
TT6		0.644		0.585		
DM11	0.578	0.588				
TT9			0.911			
TT7			0.740			
DM2		0.446	0.668		0.448	
DM1			0.658		0.493	
TT1			0.597			0.593
TT5		0.445		0.735		
TT4				0.644		
TT3				0.500		0.437
TT8					0.773	
TT10			0.561		0.583	
TT2						0.670
Phương pháp trích xuất: Phân tích nhân tố chính.						
Phương pháp xoay nhân tố: Varimax và Kaiser Normalization.a						
a. Xoay hội tụ trong 18 lần lặp						

Kết quả phân tích cho thấy tổng giá trị phương sai trích đạt 80,083 % ($> 50\%$), hệ số điểm nhân tố của các biến quan sát đều $> 0,4$, ma trận xoay nhân tố với các biến thành phần được tái phân bố thành 6 nhân tố mới, có sự sắp xếp lại các biến quan sát khác với các nhóm nhân tố được xây dựng ban đầu. Sau phân tích EFA lần 1, ở ma trận xoay nhân tố có 13 biến mang hệ số tải cao trên 2 hoặc 3 nhân tố, trong đó biến TT1 có giá trị tuyệt đối của hiệu 2 hệ số tải là $0.004 < 0.2$ và là nhỏ nhất trong số các giá trị chênh lệch của các biến quan sát khác. Vì vậy, theo quy tắc loại bỏ dần, biến TT1 được loại bỏ và tiếp tục tiến hành phân tích EFA với các biến còn lại. Các lần phân tích EFA tiếp theo đã được thực hiện và loại bỏ dần 13 biến khác lần lượt theo thứ tự sau TT7, DM11, TT6, TT4, TT8, DM10, TT5, DM6, DM8, DM7, DM9, DM5, BV8, trong đó các hệ số KMO, Sig., phương sai trích của các lần phân tích đều đạt yêu cầu.

Đến lần phân tích thứ 15, hệ số KMO được sử dụng để kiểm tra độ lớn của tương quan riêng phần, thang đo sơ bộ có hệ số KMO là $0,828 \in [0.5-1.0]$, giá trị Sig. Ở kiểm định Bartlett đạt 0.00, vì vậy đạt yêu cầu để phân tích EFA. Các phần chung Communalities đều

>0.2 và đạt yêu cầu; giá trị Eigenvalue >1 , tổng giá trị phương sai trích là 72,839 %. > 50 % (bảng 5) đạt yêu cầu. Ma trận xoay nhân tố (bảng 5) còn lại 16 biến được chia thành 3 nhân tố mới. Mặc dù các biến BV4, BV6, DM2 có hệ số tải trên 2 nhân tố nhưng giá trị tuyệt đối hiệu của chúng >0.2 nên vẫn giữ lại các biến và chúng được xếp vào các nhân tố mà chúng có hệ số tải cao hơn, kết thúc phân tích EFA ở lần thứ 15.

Bảng 5: Ma trận xoay nhân tố lần 15

		Ma trận xoay nhân tố		
		Nhân tố		
		1	2	3
1	BV5	0.862		
2	BV2	0.822		
3	BV7	0.809		
4	BV1	0.795		
5	BV4	0.780		0.413
6	DM12	0.745		
7	BV3	0.729		
8	BV6	0.714	0.407	
9	DM1		0.861	
10	DM2		0.784	0.432
11	TT10		0.780	
12	TT9		0.771	
13	TT2		0.647	
14	TT3		0.604	
15	DM4			0.855
16	DM3			0.733

Phương pháp trích xuất: Phân tích nhân tố chính.
 Phương pháp xoay nhân tố: Varimax và Kaiser Normalization.a
 a. Xoay hội tụ trong 6 lần lặp

Các biến quan sát được phân nhóm mới như sau:

Bảng 6: Sự phân bố các biến quan sát trong các nhân tố mới

Nhân tố	Biến quan sát							
F1	BV5	BV2	BV7	BV1	BV4	DM12	BV3	BV6
F2	DM1	DM2	TT9	TT10	TT2	TT3		
F3	DM3	DM4						

Dựa vào kết quả nghiên cứu định tính và kinh nghiệm chuyên môn, nhóm tác giả đưa ra quyết định đưa hai biến TT2 (Thời trang chậm) và TT3 (Vòng đời sản phẩm) của nhân tố F2 gộp nhân tố F3 vì các nội dung này phù hợp với nội dung các thuật ngữ/ khái niệm thường sử dụng phổ biến trong thực tế Thời trang bền vững. Vì vậy, bảng câu hỏi khảo sát cuối cùng (Bảng 7) được xây dựng dựa trên 3 nhân tố chính mới được đặt tên theo các nhân tố cũ phù

hợp với các biến quan sát thành phần, lần lượt là F1: Thuật ngữ/khái niệm về BV trong ngành Dệt may, F2 và F4: Thuật ngữ/khái niệm về BV trong ngành TKTT, F3: Thuật ngữ/khái niệm về các tiêu chí của BV trong Dệt may và TT.

Bảng 7: Bảng hỏi khảo sát sau khi phân tích EFA

Mã cũ	STT	Mã mới	Thuật ngữ- Khái niệm	Mức độ hiểu biết				
Nhân tố F1	I	TT	Thuật ngữ/khái niệm về Bền vững trong ngành Thiết kế thời trang	1	2	3	4	5
TT2	3	TT1	Thời trang chậm (slow-fashion)					
TT3	4	TT2	Vòng đời sản phẩm					
TT9	1	TT3	Chất thải thời trang					
TT10	2	TT4	Thiết kế bền vững /thiết kế xanh					
Nhân tố F2	II	DM	Thuật ngữ/khái niệm về Bền vững trong ngành Công nghệ Dệt may					
DM1	5	DM1	Nguyên liệu bền vững /nguyên liệu xanh					
DM2	6	DM2	Năng lượng bền vững /Năng lượng xanh					
DM3	7	DM3	Quy trình sản xuất bền vững					
DM4	8	DM4	Năng lượng tái chế					
Nhân tố F3	III	BV	Thuật ngữ/khái niệm về các tiêu chí trong Dệt may và Thời trang bền vững					
BV1	12	BV1	Thời gian vòng đời của sản phẩm thời trang					
BV2	10	BV2	Thời gian sử dụng của sản phẩm thời trang					
BV3	15	BV3	Nguồn gốc vật liệu dệt					
BV4	13	BV4	Tính năng/khả năng có thể tái chế của vật liệu/sản phẩm thời trang					
BV5	9	BV5	Sản phẩm thời trang thủ công, truyền thống địa phương-bản địa					
BV6	16	BV6	Đạo đức về động vật trong thời trang					
BV7	11	BV7	Đạo đức trong sản xuất và kinh doanh hàng dệt may- thời trang					
DM12	14	BV8	Chất thải dệt nhuộm					

Như vậy, qua quá trình nghiên cứu, bảng hỏi khảo sát dùng thang đo Likert 5 mức đánh giá, với 3 nhân tố chính và 30 biến quan sát đã được rút trích còn 3 nhân tố và 16 biến quan sát. Bảng khảo sát chính thức được xây dựng ở trên được sử dụng cho các hướng nghiên cứu tiếp theo. Dựa trên độ tin cậy và hợp lý của thang đo bằng dưới hình thức Bảng hỏi, tác giả kỳ vọng thu được dữ liệu có độ tin cậy cao cho lần khảo sát chính thức được thực hiện sau này,

từ đó giải thích được các vấn đề nghiên cứu liên quan đến nhận thức, hiểu biết của đối tượng khảo sát về khái niệm bền vững trong Dệt may và Thời trang.

5. Thảo luận

Kết quả phân tích thống kê từ nghiên cứu đã cung cấp nền tảng vững chắc để điều chỉnh và tối ưu hóa bảng khảo sát, đồng thời mở ra các hướng ứng dụng thực tiễn trong giáo dục và truyền đạt kiến thức về bền vững trong dệt may. Đầu tiên, việc kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) đã khẳng định tính nhất quán và khả năng giải thích của các biến quan sát. Với hệ số Cronbach's Alpha lần lượt là 0.889, 0.951, và 0.944, vượt xa ngưỡng 0.7, các nhân tố trong nghiên cứu đều đạt độ tin cậy cao, chứng minh rằng các biến quan sát phản ánh chính xác nội dung của từng nhân tố. Phân tích KMO (0.828) và Bartlett's Test (Sig. = 0.00) cũng cho thấy dữ liệu đáp ứng đầy đủ các điều kiện để thực hiện EFA, với tổng giá trị phương sai trích đạt 72.839%, vượt xa mức yêu cầu thông thường. Kết quả này không chỉ đảm bảo tính chặt chẽ của thang đo mà còn cung cấp cơ sở để nhóm nghiên cứu tinh chỉnh bảng khảo sát.

Trên cơ sở các kết quả phân tích này, ứng dụng thực tiễn đầu tiên là việc điều chỉnh bảng khảo sát. Các biến quan sát có hệ số đóng góp thấp hoặc không phù hợp đã được loại bỏ sau 15 lần phân tích EFA, giúp giữ lại 16 biến quan sát có ý nghĩa và phản ánh tốt nhất nội dung nghiên cứu. Quyết định tái phân nhóm biến TT2 và TT3 từ F2 (Thiết kế thời trang) sang F3 (Tiêu chí bền vững) không chỉ dựa trên số liệu định lượng mà còn được hỗ trợ bởi kinh nghiệm chuyên môn, đảm bảo bảng hỏi phù hợp hơn với đối tượng nghiên cứu là sinh viên. Điều này minh họa cách kết hợp giữa phân tích thống kê và hiểu biết thực tiễn để cải thiện chất lượng bảng khảo sát. Thêm vào đó, ứng dụng thứ hai liên quan đến phát triển chương trình giáo dục. Mặc dù vấn đề bền vững trong ngành dệt may không chỉ tập trung vào khâu cắt may mặc mà còn liên quan mật thiết đến nhiều ngành khác như năng lượng, hóa học, nhuộm, logistics, bao bì và vận chuyển. Chuỗi giá trị của ngành dệt may - thời trang bao gồm từ quá trình sản xuất nguyên liệu cho đến gia công, thiết kế và phân phối sản phẩm, đòi hỏi phải áp dụng các khái niệm "*vòng đời sản phẩm*" - được hiểu là toàn bộ quá trình tồn tại của một sản phẩm từ khi ra đời đến khi loại bỏ hoặc tái chế, "*vật liệu tái chế*" - là các nguyên liệu được thu gom và xử lý lại từ sản phẩm đã qua sử dụng hoặc phế thải để tái tạo thành nguyên liệu mới cho quá trình sản xuất, và "*chuỗi cung ứng bền vững*" - được hiểu là quá trình quản lý và giám sát toàn bộ chuỗi giá trị từ nguồn cung nguyên liệu đến sản xuất, phân phối và tiêu dùng, với sự công khai và rõ ràng về các hoạt động, điều kiện lao động, cũng như các tiêu chuẩn về môi trường. Đây cũng là những thuật ngữ xuất hiện trong các biến quan sát mạnh của bảng khảo sát có thể được sử dụng để xây dựng tài liệu giảng dạy hoặc tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức về bền vững; đồng thời có thể trở thành nội dung chính trong chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về bền vững trong dệt may và thời trang.

Mặt khác, việc cải thiện cách truyền đạt là một khía cạnh không thể bỏ qua. Đối với sinh viên - nhóm đối tượng đặc thù với mức độ nhận thức khác nhau về bền vững - việc sử dụng các ví dụ minh họa thực tế như túi vải tái sử dụng, thời trang vintage, hoặc sản phẩm từ da thực vật có thể làm tăng sự quan tâm và khả năng tiếp thu. Kết quả phân tích cũng nhấn

manh rằng, mặc dù một số khái niệm như "năng lượng xanh", "thời trang chậm", v.v... có ý nghĩa lớn nhưng ít được sinh viên biết đến và hiểu rõ, vì vậy chúng cần được trình bày một cách dễ hiểu và gần gũi hơn để phù hợp với đối tượng nghiên cứu.

Như vậy, từ các kết quả phân tích số liệu, nghiên cứu không chỉ tối ưu hóa bảng khảo sát mà còn đóng góp tích cực vào việc xây dựng nội dung giáo dục và cách tiếp cận phù hợp với sinh viên. Những ứng dụng này không chỉ nâng cao nhận thức mà còn thúc đẩy sự tham gia của thế hệ trẻ vào hành trình phát triển bền vững trong ngành dệt may và thời trang.

6. Kết luận

Nghiên cứu này nhấn mạnh vào phương pháp xây dựng và phát triển bảng hỏi dựa trên sự kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng; đồng thời nghiên cứu cơ sở lý thuyết về các mức độ hiểu biết của con người về một chủ đề cụ thể, sử dụng thang đo Likert 5 mức nhằm đánh giá nhận thức và sự hiểu biết của sinh viên về các khái niệm bền vững trong dệt may và thời trang. Trong quá trình phát triển, việc đánh giá sơ bộ thang đo là rất quan trọng để đảm bảo bảng hỏi phù hợp với mục tiêu khảo sát. Các bước kiểm tra độ tin cậy, sử dụng hệ số Cronbach's alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) đã giúp tái cấu trúc các biến quan sát thành các nhân tố chính, đảm bảo thang đo đạt độ chính xác cao. Sau quá trình này, bảng hỏi đã được hoàn thiện với 3 nhân tố và 16 biến quan sát.

Bảng câu hỏi chuẩn hoá từ nghiên cứu này sẽ đóng vai trò quan trọng trong các nghiên cứu tiếp theo, giúp thu thập dữ liệu chính xác về nhận thức của người tham gia về các khái niệm bền vững trong ngành dệt may và thời trang. Dữ liệu này, với độ tin cậy và hợp lý cao, sẽ hỗ trợ giải thích các vấn đề nghiên cứu và cung cấp những hiểu biết sâu sắc về mối quan hệ giữa nhận thức và hành vi bền vững. Thêm vào đó, kết quả nghiên cứu bước đầu đã chỉ ra rằng, các nội dung chủ chốt cần tập trung phân tích bao gồm các khái niệm cốt lõi về quản lý vòng đời sản phẩm, vật liệu tái chế và chuỗi cung ứng bền vững. Những khái niệm này không chỉ phản ánh sự toàn diện của chuỗi giá trị trong ngành dệt may – thời trang mà còn là nền tảng để phát triển các giải pháp bền vững trong sản xuất và tiêu dùng. Đồng thời, nghiên cứu cũng nhận diện được vai trò quan trọng của công nghệ sản xuất xanh và các xu hướng thiết kế thân thiện với môi trường. Việc tích hợp các nội dung này vào đề cương môn học sẽ giúp sinh viên nắm bắt được toàn bộ quy trình, từ khai thác nguyên liệu đến sản xuất, phân phối và tiêu dùng. Từ đó, chương trình đào tạo ngành thời trang bậc đại học có thể được xây dựng một cách linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với xu thế phát triển bền vững hiện nay. Ý nghĩa của bài báo này không chỉ đóng góp vào lĩnh vực khoa học bền vững mà còn mang lại giá trị thực tiễn trong việc định hướng và xây dựng các chiến lược tiếp cận và nâng cao nhận thức bền vững cho SV nói chung và SV ngành dệt may - thời trang nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Fletcher, K., & Grose, L. (2012), *"Fashion & sustainability: Design for change"*, Laurence King Publishing.
- [2]. McKinney, E. (2014). *Sustainable fashion for a new generation*. Routledge.

- [3]. Aakko, M., & Koskennurmi-Sivonen, R. (2013). Designing sustainable fashion: Possibilities and challenges. *Research Journal of Textile and Apparel*, 17(1), 13 - 22.
- [4]. Anderson, Lorin W.; Krathwohl, David R. (2001). *"Taxonomy for learning, teaching, and assessing: A revision of Bloom's taxonomy of educational objectives"*. Longman.
- [5]. Bloom, B. S. (1956). *"Taxonomy of educational objectives: The classification of educational goals"*. Longman.
- [6]. Krathwohl, D. R. (2002). *"A revision of Bloom's taxonomy: An overview"*. *Theory into Practice*, 41(4), 212 - 218.
- [7]. Joshi, A., Kale, S., Chandel, S., & Pal, D. K. (2015). *"Likert Scale: Explored and explained"*. *British Journal of Applied Science & Technology*, 7 (4), 396 - 403.
- [8]. Creswell, J. W. (2014). *"Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches"* (4th ed.). SAGE Publications.
- [9]. Bryman, A. (2016). *"Social research methods"* (5th ed.). Oxford University Press.
- [10]. Lin, S., & Chen, C. (2022). *"Sustainable fashion consumption across generational cohorts: The role of environmental consciousness and perceived value"*. *Journal of Consumer Behaviour*, 21 (4), 657 - 670. <https://doi.org/10.1002/cb.2045>
- [11]. Kumar, P., & Verma, S. (2023). *"A study of consumer awareness and perception of sustainable fashion with special reference to Gen Z"*. *International Journal of Business Research*, 29 (3), 293 - 295. E-ISBN: 978 - 93 - 5747 - 332 - 3.
- [12]. Lê Thị Thanh Loan (2021), *"Thời trang bền vững: Xu hướng tất yếu trong ngành dệt may Việt Nam"*, *Tạp chí Công nghiệp Dệt may Việt Nam*, 8 (2), 29 - 36.
- [13]. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2020), *Nhận thức và xu hướng tiêu dùng thời trang bền vững tại Việt Nam*, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 260, 109 - 115.
- [14]. Black, S. (2012). *"The sustainable fashion handbook"*. Thames & Hudson.
- [15]. Shen, B. (2014). *"Sustainable fashion supply chain management: From sourcing to retailing"*. *Sustainability*, 6(9), 6236-6249; <https://doi.org/10.3390/su6096236>
- [16]. Fletcher, K. (2014). *"Sustainable fashion and textiles"*. Design journeys. Routledge.
- [17]. Kaiser, H. F. (1974). *"An index of factorial simplicity"*. *Psychometrika*, 39 (1), 31 - 36.

PHỤ LỤC: BẢNG HỎI SƠ BỘ

STT	Mã mới	Thuật ngữ- Khái niệm	Mức độ hiểu biết				
		Lĩnh vực thiết kế thời trang	1	2	3	4	5
1	TT1	Thời trang nhanh (fast-fashion)					
2	TT2	Thời trang chậm (slow-fashion)					
3	TT3	Vòng đời sản phẩm					
4	TT4	Tái chế					
5	TT5	Vật liệu sinh thái					
6	TT6	Vật liệu tái sinh					
7	TT7	Thời trang bền vững/thời trang nhanh					
8	TT8	Thời trang tái chế					
9	TT9	Chất thải thời trang					
10	TT10	Thiết kế bền vững/thiết kế xanh					
II	DM	Lĩnh vực Công nghệ Dệt - May	1	2	3	4	5
11	DM1	Nguyên liệu bền vững /nguyên liệu xanh					
12	DM2	Năng lượng bền vững /Năng lượng xanh					
13	DM3	Quy trình sản xuất bền vững					
14	DM4	Năng lượng tái chế					
15	DM5	Chất thải sản xuất dệt may					
16	DM6	Công nghệ dệt theo hướng bền vững					
17	DM7	Nhân sinh thái					
18	DM8	Chuỗi cung ứng bền vững					
19	DM9	Hệ thống dịch vụ sản phẩm bền vững					
20	DM10	Xử lý hoàn tất (nhuộm, in, tráng phủ,v.v...) vật liệu dệt theo hướng bền vững					
21	DM11	Công nghệ may theo hướng bền vững					
22	DM12	Chất thải dệt nhuộm					
III	BV	Thuật ngữ/khái niệm về các tiêu chí trong Dệt may và Thời trang bền vững					
23	BV1	Thời gian vòng đời của sản phẩm					
24	BV2	Thời gian sử dụng của sản phẩm thời trang					
25	BV3	Nguồn gốc vật liệu dệt					
26	BV4	Tiềm năng/khả năng có thể tái chế của vật liệu sản phẩm thời trang					
27	BV5	Sản phẩm thời trang thủ công, truyền thống địa phương-bản địa					
28	BV6	Đạo đức về động vật trong thời trang					
29	BV7	Đạo đức trong sản xuất và kinh doanh hàng dệt may-thời trang					
30	BV8	Đạo đức trong tiêu dùng trong dệt may-thời trang					

Ghi chú: Các mức độ hiểu biết từ 1 đến 5 được quy cho các mức độ hiểu biết như sau:

- (1): Chưa từng biết đến; (2): Có nghe nói đến nhưng không biết rõ lắm; (3): Biết và có thể diễn đạt về khái niệm này; (4): Hiểu rõ về khái niệm này và có thể thực hành trong thực tế; (5): Có kiến thức chuyên sâu hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực này.

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BẢNG HỎI KHẢO SÁT MỨC ĐỘ HIỂU BIẾT VỀ TÍNH BỀN VỮNG TRONG LĨNH VỰC DỆT MAY VÀ THỜI TRANG - BƯỚC ĐẦU TIẾP CẬN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỜI TRANG BỀN VỮNG

Trần Nguyễn Tú Uyên^a

Phạm Thị Thảo^a

Trần Phạm Quỳnh Phương^b

Đào Lý Minh Thư^b

Nguyễn Hồng Khiêm^c

^a Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

^b Trường Đại học Văn Lang

^c Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Email: Tuuyentk@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/9/2024

Ngày phản biện: 12/9/2024

Ngày tác giả sửa: 20/9/2024

Ngày duyệt đăng: 24/7/2025

Ngày phát hành: 31/7/2025

Bài báo tập trung nghiên cứu xây dựng và đánh giá thang đo “Mức độ hiểu biết đối với một số thuật ngữ và khái niệm về tính bền vững trong lĩnh vực Dệt may - thường được nhắc đến bằng tên gọi “Dệt may bền vững” (DMBV) - của sinh viên (SV) tại thành phố Hồ Chí Minh. Phương pháp định tính và định lượng được sử dụng kết hợp để giải quyết các vấn đề nghiên cứu. Thang đo sơ bộ được xây dựng bằng phương pháp định tính dựa trên kết quả phỏng vấn sâu các đối tượng là SV và chuyên gia trong ngành, kết hợp với kinh nghiệm chuyên môn về Dệt may - Thiết kế thời trang của nhóm tác giả. Phương pháp định tính được thực hiện dựa trên phân tích thống kê kết quả khảo sát sơ bộ, đánh giá độ tin cậy của thang đo sử dụng phần mềm SPSS. Bên cạnh đó, phân tích nhân tố khám phá (EFA) được áp dụng để rút gọn biến quan sát, tái cấu trúc các nhân tố từ đó hoàn thiện bảng hỏi chính thức phục vụ cho đánh giá nhận thức và xây dựng đề cương học phần Thời trang bền vững bậc đại học.

Từ khóa: Bảng hỏi; Khảo sát; Tính bền vững; Dệt may; Thời trang.